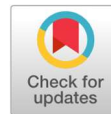




ISSN: 1859-1779

Nghiên cứu Y học

Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh;27(2):156-164
<https://doi.org/10.32895/hcjm.m.2024.02.20>



Tỷ lệ bị bắt nạt và các yếu tố liên quan ở học sinh trung học phổ thông hệ giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024

Lê Võ Hồng Tuyết¹, Nguyễn Thị Trang¹, Đinh Văn Ngôn¹, Nguyễn Thị Thu An¹,
Thái Thanh Trúc^{1,*}

¹Khoa Y tế công cộng, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Hiện nay, bắt nạt là một vấn đề rất được quan tâm trong xã hội nói chung và trong môi trường học đường nói riêng. Bắt nạt có liên quan đến những hậu quả bất lợi ngắn hạn và dài hạn về cả sức khỏe thể chất lẫn tinh thần của trẻ vị thành niên. Tuy nhiên, có rất ít nghiên cứu được thực hiện trên học sinh trung học phổ thông hệ giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ bị bắt nạt và các yếu tố liên quan ở học sinh trung học phổ thông hệ giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024.

Đối tượng và Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 1499 học sinh trung học phổ thông tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (TT. GDNN – GDTX) tại quận 12, quận Tân Phú, huyện Bình Chánh, và huyện Hóc Môn từ tháng 02/2024 – 04/2024. Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi tự điền. Việc bị bắt nạt được đánh giá bằng thang đo YRBS.

Kết quả: Tỷ lệ bị bắt nạt học đường và bị bắt nạt trực tuyến lần lượt là 6,8% và 13,8%. Kết quả cho thấy mối liên quan giữa xu hướng tính dục, kinh tế gia đình, mối quan hệ với bạn bè với bắt nạt học đường. Đối với bắt nạt trực tuyến, kết quả cho thấy mối liên quan với khối lớp, giới tính, xu hướng tính dục, kinh tế gia đình, mối quan hệ với bạn bè.

Kết luận: Bắt nạt là một vấn đề sức khỏe cộng đồng nghiêm trọng và phổ biến nhưng có thể phòng ngừa được. Nhà trường, thầy cô, gia đình và các bên liên quan cần có chiến lược hỗ trợ và can thiệp phù hợp đặc biệt là những học sinh dễ bị tổn thương.

Từ khóa: bắt nạt học đường; bắt nạt trực tuyến; vị thành niên; trung học phổ thông

Ngày nhận bài: 27-06-2024 / Ngày chấp nhận đăng bài: 23-07-2024 / Ngày đăng bài: 25-07-2024

*Tác giả liên hệ: Thái Thanh Trúc. Khoa Y tế công cộng, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. E-mail: thaithanhtruc@ump.edu.vn
© 2024 Bản quyền thuộc về Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh.

Abstract

THE RATE OF BULLYING INCIDENTS AND RELATED FACTORS AMONG HIGH SCHOOL STUDENTS IN THE CONTINUING EDUCATION SYSTEM IN HO CHI MINH CITY, 2024

Le Vo Hong Tuyet, Nguyen Thi Trang, Dinh Van Ngon, Nguyen Thi Thu An, Thai Thanh Truc

Background: Bullying is a pressing issue in society and education environment, with significant short-term and long-term impacts on adolescents' physical and mental health. However, research on this issue among high school students in Ho Chi Minh City, especially in continuing education system, is in short supply.

Objective: This study aims to describe the prevalence of bullying and its associated factors among high school students in the continuing education system in Ho Chi Minh City in 2024.

Methods: We conducted a cross-sectional study from February to April 2024 on 1499 high school students from continuing education centers in District 12, Tan Phu, Binh Chanh and Hoc Mon. The study used a self-administered questionnaire. Bullying was defined by the YRBS.

Results: We found that 6.8% of students experienced school bullying and 13.8% experienced cyberbullying. School bullying was associated with sexual orientation, family economic status, peer relationships. Cyberbullying was associated with grade, gender, sexual orientation, family economic status, peer relationships.

Conclusion: Bullying is a preventable public health problem. School systems, educators, families, and stakeholders need suitable strategies and interventions regarding this issue, particularly for at-risk students.

Keywords: school bullying; electronic bullying; adolescents; high school

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, bắt nạt là một vấn đề sức khỏe ở trẻ vị thành niên rất được quan tâm trong xã hội nói chung và trong môi trường học đường nói riêng. Bắt nạt được định nghĩa là những hành vi hung hãn, cố ý, lặp đi lặp lại, được thực hiện bởi một hoặc nhiều người (thủ phạm) nhằm nhắm đến một cá nhân (nạn nhân) trong đó nạn nhân bị hạn chế về khả năng ứng phó do mất cân bằng sức mạnh [1,2]. Theo Báo cáo Hành vi sức khỏe trẻ trong độ tuổi đi học (HBSC) cho thấy có khoảng 11% trẻ vị thành niên đã từng bị bắt nạt học đường và khoảng 15% đã từng bị bắt nạt trực tuyến [3]. Tại Việt Nam, theo báo cáo Khảo sát sức khỏe toàn cầu (GSHS) năm 2019 cho thấy có 6,2% học sinh đã bị bắt nạt [4]. Một nghiên cứu khác tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy học sinh bị bắt nạt trực tuyến là 36,6% [5]. Bắt nạt có thể xảy ra ở bất cứ đâu và bằng bất kỳ hình thức nào. Hiện nay, bắt nạt trực tuyến có khuynh hướng gia tăng nhanh đặc biệt là trong thời đại công nghệ thông tin ngày càng phát triển. Ngoài ra, một nghiên cứu được tiến hành tại Đức cho thấy bị bắt nạt trực

tuyến là yếu tố dự đoán cho việc bị bắt nạt học đường sau này [6]. Nhưng hiện tại ít nghiên cứu khảo sát đồng thời hai loại hình bắt nạt này.

Bắt nạt có liên quan đến những hậu quả bất lợi ngắn hạn và dài hạn về cả sức khỏe thể chất lẫn tinh thần của trẻ vị thành niên. Hơn nữa, nhiều nghiên cứu cũng cho thấy học sinh từng bị bắt nạt dễ tham gia vào các hành vi nguy hại sức khỏe như sử dụng thuốc lá, rượu bia, sử dụng các chất gây nghiện khác [7,8]. Các nghiên cứu được thực hiện tại Hà Nội cho thấy tỷ lệ học sinh các trung tâm giáo dục thường xuyên tham gia vào hành vi nguy hại sức khỏe cao hơn so với học sinh thuộc các trường công lập khác [9,10]. Tuy nhiên, có rất ít nghiên cứu được thực hiện trên học sinh ở các trung tâm giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu xác định tỷ lệ bị bắt nạt và mối liên quan với các đặc điểm cá nhân, đặc điểm gia đình, đặc điểm môi trường học tập - xã hội ở học sinh trung học phổ thông hệ giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu nhằm cung cấp cái

nhìn tổng quan cho ban ngành đoàn thể, nhà trường và các bên liên quan trong lĩnh vực phòng chống bắt nạt ở trẻ vị thành niên để đảm bảo môi trường học tập tốt cho nhóm vị thành niên dễ bị tổn thương này.

2. ĐỐI TƯỢNG – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Trên 1499 học sinh từ 4 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (TT. GDNN – GDTX) tại quận Tân Phú, quận 12, huyện Hóc Môn và huyện Bình Chánh. Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 02/2024 đến tháng 04/2024.

2.1.1. Tiêu chuẩn chọn mẫu

Tất cả học sinh trong độ tuổi vị thành niên khối 10, 11, 12 đang học tại các trung tâm được chọn vào thời điểm nghiên cứu và đồng ý tham gia, trả lời bộ câu hỏi nghiên cứu.

2.1.2. Tiêu chuẩn loại

Các học sinh không được chấp thuận của phụ huynh học sinh/người giám hộ cho phép tham gia nghiên cứu hoặc học sinh vắng mặt vào thời điểm thu thập dữ liệu, quay lại lần 2 nhưng không gặp, học sinh đã tham gia nghiên cứu thử.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang.

2.2.2. Cỡ mẫu

Được tính theo công thức ước lượng 1 tỷ lệ với giá trị p tham khảo từ nghiên cứu của Nguyễn Hằng Nguyệt Vân ($p=0,529$) [9], sau đó nhân với hệ số thiết kế là 2 và dự trừ sự từ chối tham gia của phụ huynh và học sinh là 30% do đó cỡ mẫu cần lấy ít nhất 1095 học sinh. Các học sinh được chọn bằng phương pháp lấy mẫu cụm nhiều bậc với đơn vị chọn mẫu là lớp học. Tổng cộng 36 lớp được chọn tham gia vào nghiên cứu.

2.2.3. Phương pháp thu thập số liệu

Sau khi được cung cấp thông tin về nghiên cứu và đồng ý tham gia vào nghiên cứu thì học sinh trả lời bộ câu hỏi tự

điền trong khoảng 25 đến 30 phút. Nghiên cứu viên có mặt để giải đáp các thắc mắc của học sinh.

Bộ câu hỏi tự điền bao gồm các đặc điểm cá nhân, gia đình, môi trường học tập - xã hội và thang đo Youth Risk Behavior Surveillance (YRBS) được sử dụng cho nghiên cứu này để đo lường biến kết cục (bị bắt nạt học đường, bị bắt nạt trực tuyến). Thang đo YRBS được xây dựng và phát triển bởi Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC) theo dõi nhiều hành vi và trải nghiệm liên quan đến sức khỏe học sinh, được tiến hành khảo sát và chỉnh sửa bổ sung mỗi 2 năm/lần [11]. Học sinh chọn lựa chọn “Đã từng” cho câu hỏi “Trong 12 tháng qua, Bạn đã bao giờ bị bắt nạt ở khuôn viên trường học chưa?” được phân loại là có bị bắt nạt học đường và học sinh chọn lựa chọn “Đã từng” cho câu hỏi “Trong 12 tháng qua, Bạn đã bao giờ bị bắt nạt qua mạng xã hội (tin nhắn, Instagram, Facebook, mạng xã hội khác) chưa?” được phân loại là có bị bắt nạt trực tuyến [12].

Trong nghiên cứu này, nhằm hạn chế sai lệch thông tin, chúng tôi định nghĩa rõ ràng các biến số, thiết kế bộ câu hỏi tương ứng với mục tiêu, từ ngữ ngắn gọn, dễ hiểu. Thực hiện nghiên cứu thử và giải thích rõ ràng về mục tiêu nghiên cứu, nhấn mạnh tính bảo mật và hướng dẫn trả lời bộ câu hỏi. Sau khi thu thập dữ liệu, nghiên cứu viên xử lý và loại ra những học sinh không trả lời đầy đủ thông tin, phân tích trung thực và cẩn thận.

2.2.4. Phân tích và xử lý số liệu

Số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata (v4.6.0.6) và phân tích bằng phần mềm Stata17.0.

Kiểm định Chi bình phương hoặc Fisher với mức ý nghĩa $p < 0,05$ được sử dụng để xét mối liên quan.

Kết quả phân tích được báo cáo dưới dạng tỷ số chênh (OR) kèm theo khoảng tin cậy 95% (KTC 95%) bằng hồi qui Logistic.

3. KẾT QUẢ

Trong tổng số 1499 học sinh được mời tham gia, có tổng cộng 206 học sinh không tham gia hoặc không hoàn thành bộ câu hỏi. Vì vậy, có 1293 học sinh được đưa vào phân tích.

Số lượng học sinh phân bố tương đối đồng đều ở cả 3 khối lớp, học sinh nam và nữ không chênh lệch nhau quá nhiều

(50,8% và 49,2%). Phần lớn học lực học kỳ gần nhất của học sinh đạt mức khá trở lên (71,7%) và hạnh kiểm học kỳ gần nhất là tốt chiếm chủ yếu (75,7%). Đa số học sinh mô tả xu hướng tính dục là dị tính, phần nhỏ là đồng tính nam/đồng tính nữ, lưỡng tính và khác (Bảng 1).

Về các đặc điểm gia đình, kết quả cho thấy phần lớn học sinh sống cùng cha và mẹ (75,8%) và có cha mẹ sống chung với nhau (77,4%). Có 76,5% học sinh trả lời tình trạng kinh tế gia đình ở mức bình thường. Trong mối quan hệ với thầy cô, bạn bè, hầu hết học sinh cảm nhận ở mức bình thường và tốt, một phần rất nhỏ cảm thấy không tốt lần lượt là 4,9% (thầy cô) và 3,9% (bạn bè) (Bảng 1).

Bảng 1. Đặc điểm cá nhân, đặc điểm gia đình và đặc điểm môi trường học tập - xã hội của học sinh tham gia nghiên cứu (n=1293)

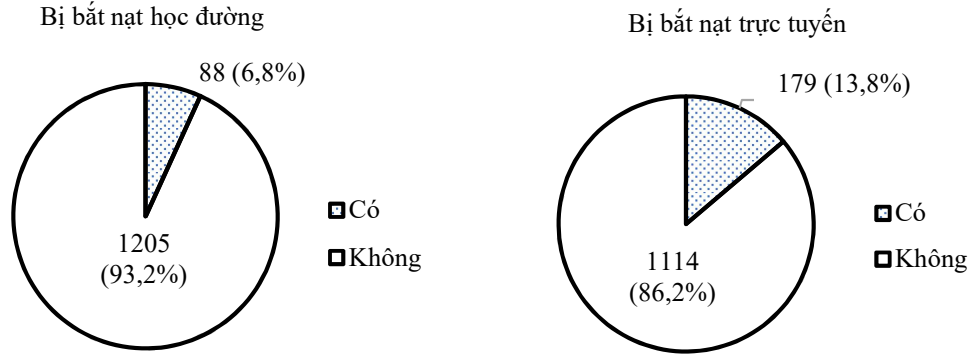
Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ (%)
Khối lớp		
Khối 10	445	34,4
Khối 11	429	33,2
Khối 12	419	32,4
Giới tính		
Nam	657	50,8
Nữ	636	49,2
Học lực học kỳ gần nhất		
Tốt/Giỏi	280	21,7
Khá	647	50,0
Dưới mức khá	366	28,3
Hạnh kiểm học kỳ gần nhất		
Tốt	979	75,7
Khá	232	18,0
Trung bình/yếu	82	6,3
Xu hướng tính dục		
Dị tính	1059	81,9
Đồng tính nam/đồng tính nữ	97	7,5
Lưỡng tính	60	4,6
Khác	77	6,0
Người sống chung		

Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ (%)
Cha và mẹ	980	75,8
Cha hoặc mẹ	202	15,6
Khác	111	8,6
Tình trạng hôn nhân cha mẹ		
Sống chung	1001	77,4
Khác	292	22,6
Kinh tế gia đình		
Khó khăn	213	16,5
Bình thường	990	76,5
Khá giả	90	7,0
Mối quan hệ với thầy cô		
Không tốt	63	4,9
Bình thường	857	66,3
Tốt	373	28,8
Mối quan hệ với bạn bè		
Không tốt	51	3,9
Bình thường	693	53,6
Tốt	549	42,5

Kết quả ghi nhận ở Hình 1 cho thấy có 6,8% học sinh đã từng bị bắt nạt học đường và tỷ lệ học sinh đã từng bị bắt nạt trực tuyến gấp đôi bắt nạt học đường với 13,8%.

Khi phân tích mối liên quan giữa đặc điểm cá nhân, gia đình, môi trường học tập - xã hội với hai loại hình bắt nạt, nghiên cứu chưa ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) giữa học lực học kỳ gần nhất, hạnh kiểm học kỳ gần nhất, người sống chung, tình trạng hôn nhân cha mẹ, mối quan hệ với thầy cô ở cả 2 loại bị bắt nạt (Bảng 2).

Những học sinh khối 12 có chênh lệch bị bắt nạt trực tuyến bằng 0,56 lần học sinh khối 10 (KTC 95% 0,37 - 0,84) với ý nghĩa thống kê $p=0,005$; tuy nhiên kết quả phân tích chưa ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê đối với học sinh khối 11 và bất kỳ khối lớp nào với việc bị bắt nạt học đường. Về giới tính, nghiên cứu chỉ tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê với bị bắt nạt trực tuyến. Cụ thể, những học sinh nam có chênh lệch bị bắt nạt trực tuyến bằng 0,52 lần học sinh nữ (KTC 95% 0,37 - 0,72, $p < 0,001$).



Hình 1. Mô tả tỷ lệ bị bắt nạt học đường, bị bắt nạt trực tuyến của học sinh tham gia nghiên cứu (n=1293)

Bảng 2. Mối liên quan giữa các đặc điểm cá nhân, đặc điểm gia đình, đặc điểm môi trường học tập - xã hội với vấn đề bị bắt nạt ở học sinh (n=1293)

Đặc điểm	Bị bắt nạt học đường			Bị bắt nạt trực tuyến		
	Có (n%)	OR (KTC 95%)	p	Có (n%)	OR (KTC 95%)	p
Khối lớp						
Khối 10	28 (6,3)	1		71 (16,0)	1	
Khối 11	33 (7,7)	1,24 (0,74 - 2,10)	0,417	68 (15,9)	0,99 (0,69 - 1,43)	0,966
Khối 12	27 (6,4)	1,03 (0,59 - 1,77)	0,927	40 (9,6)	0,56 (0,37 - 0,84)	0,005
Giới tính						
Nam	37 (5,6)	0,68 (0,44 - 1,06)	0,088	66 (10,1)	0,52 (0,37 - 0,72)	<0,001
Nữ	51 (8,0)	1		113 (17,8)	1	
Học lực học kỳ gần nhất						
Tốt/Giỏi	22 (7,9)	1		34 (12,1)	1	
Khá	37 (5,7)	0,71 (0,41 - 1,23)	0,223	82 (12,7)	1,05 (0,69 - 1,61)	0,822
Dưới mức khá	29 (7,9)	1,00 (0,57 - 1,80)	0,975	63 (17,2)	1,50 (0,96 - 2,36)	0,075
Hạng kiểm học kỳ gần nhất						
Tốt	60 (6,1)	1		130 (13,3)	1	
Khá	19 (8,2)	1,37 (0,80 - 2,34)	0,255	34 (14,7)	1,12 (0,75 - 1,69)	0,582
Trung bình/yếu	9 (11,0)	1,89 (0,90 - 3,96)	0,092	15 (18,3)	1,46 (0,81 - 2,64)	0,207
Xu hướng tính dục						
Dị tính	61 (5,8)	1		128 (12,1)	1	
Đồng tính	8 (8,3)	1,47 (0,68 - 3,17)	0,325	17 (17,5)	1,55 (0,89 - 2,69)	0,124
Lưỡng tính	12 (20,0)	4,09 (2,07 - 8,10)	<0,001	21 (35,0)	3,92 (2,23 - 6,87)	<0,001
Khác	7 (9,1)	1,64 (0,72 - 3,71)	0,239	13 (16,9)	1,48 (0,79 - 2,76)	0,220
Người sống chung						

Đặc điểm	Bị bắt nạt học đường			Bị bắt nạt trực tuyến		
	Có (n%)	OR (KTC 95%)	p	Có (n%)	OR (KTC 95%)	p
Cha và mẹ	66 (6,7)	1		132 (13,5)	1	
Cha hoặc mẹ	14 (6,9)	1,03 (0,57 - 1,87)	0,920	29 (14,4)	1,08 (0,70 - 1,66)	0,738
Khác	8 (7,2)	1,08 (0,50 - 2,30)	0,851	18 (16,2)	1,24 (0,73 - 2,13)	0,427
Tình trạng hôn nhân cha mẹ						
Sống chung	64 (6,4)	0,76 (0,47 - 1,24)	0,277	133 (13,3)	0,82 (0,57 - 1,18)	0,283
Khác	24 (8,2)	1		46 (15,8)	1	
Kinh tế gia đình						
Khó khăn	20 (9,4)	1		45 (21,1)	1	
Bình thường	56 (5,7)	0,58 (0,33 - 0,99)	0,04	115 (11,6)	0,49 (0,33 - 0,72)	<0,001
Khá giả	12 (13,3)	1,48 (0,69 - 3,18)	0,310	19 (21,1)	1,00 (0,55 - 1,83)	0,998
Mối quan hệ với thầy cô						
Không tốt	4 (6,4)	1		10 (15,9)	1	
Bình thường	57 (6,7)	1,05 (0,37 - 3,00)	0,926	115 (13,4)	0,82 (0,41 - 1,66)	0,584
Tốt	27 (7,2)	1,15 (0,39 - 3,41)	0,800	54 (14,5)	0,90 (0,43 - 1,87)	0,772
Mối quan hệ với bạn bè						
Không tốt	10 (19,6)	1		15 (29,4)	1	
Bình thường	51 (7,4)	0,33 (0,15 - 0,69)	0,003	104 (15,0)	0,42 (0,22 - 0,80)	0,008
Tốt	27 (4,9)	0,21 (0,10 - 0,47)	<0,001	60 (10,9)	0,29 (0,15 - 0,57)	<0,001

Khi kiểm định mối liên quan giữa xu hướng tính dục và bị bắt nạt, nghiên cứu chúng tôi ghi nhận có mối liên quan giữa xu hướng tính dục với việc bị bắt nạt học đường và trực tuyến. Khả năng bị bắt nạt học đường cao hơn ở học sinh có xu hướng tính dục là lưỡng tính (OR=4,09; KTC 95% 2,07 - 8,10) so với học sinh có xu hướng tính dục là dị tính. Tương tự, học sinh có xu hướng tính dục là lưỡng tính có chênh lệch bị bắt nạt trực tuyến gấp 3,92 lần (KTC 95% 2,23 - 6,87) so với xu hướng tính dục là dị tính và các mối liên quan đều có ý nghĩa thống kê $p < 0,001$.

Về đặc điểm gia đình, chúng tôi ghi nhận học sinh có tình trạng kinh tế gia đình bình thường có chênh lệch bị bắt nạt học đường bằng 0,58 lần (KTC 95% 0,33 - 0,99) so với tình trạng kinh tế gia đình khó khăn với $p=0,04$. Khả năng bị bắt nạt trực tuyến thấp hơn ở học sinh có tình trạng kinh tế gia đình bình thường (OR=0,49; KTC 95% 0,33 - 0,72) so với tình trạng kinh tế gia đình khó khăn với $p < 0,001$.

Kết quả phân tích ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa mối quan hệ với bạn bè với bị bắt nạt học đường và bắt nạt trực tuyến. Học sinh có mối quan hệ bình thường với bạn bè có chênh lệch bị bắt nạt học đường bằng 0,33 lần (KTC 95% 0,15 - 0,69; $p=0,003$) và có chênh lệch bị bắt nạt trực tuyến bằng 0,42 lần (KTC 95% 0,22 - 0,80; $p=0,008$) so với cảm nhận không tốt về mối quan hệ với bạn bè. Học sinh có mối quan hệ tốt với bạn bè có chênh lệch bị bắt nạt học đường và bị bắt nạt trực tuyến lần lượt bằng 0,21 lần (KTC 95% 0,10 - 0,47) và 0,29 lần (KTC 95% 0,15 - 0,57) so với cảm nhận không tốt. Các mối liên quan đều có ý nghĩa thống kê $p < 0,001$.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 6,8% học sinh đã từng bị bắt nạt học đường và 13,8% đã từng bị bắt nạt trực tuyến, kết quả này thấp hơn so với báo cáo Khảo sát hành vi nguy hại

sức khỏe tại Hoa Kỳ năm 2021 (với 15,0% đối với bắt nạt học đường và 15,9% đối với bắt nạt trực tuyến) cũng như nghiên cứu được tiến hành tại các quốc gia Châu Âu ghi nhận khoảng 11% từng bị bắt nạt học đường và khoảng 15% từng bị bắt nạt trực tuyến [3,13]. Tuy nhiên, tỷ lệ bắt nạt học đường ở nghiên cứu chúng tôi cao hơn so với tỷ lệ trong báo cáo Khảo sát sức khỏe toàn cầu (GSHS) năm 2019 ngược lại tỷ lệ bắt nạt trực tuyến lại thấp hơn nhiều so với nghiên cứu của Dương Thị Huỳnh Mai [4,5]. Sự khác biệt như vậy có thể là do các nghiên cứu tiến hành trên các đối tượng, thang đo được sử dụng, thời điểm cũng như địa điểm tiến hành nghiên cứu khác nhau.

Nghiên cứu của chúng tôi tìm thấy mối liên quan giữa khối lớp, giới tính với việc bị bắt nạt trực tuyến. Tuy nhiên, các nghiên cứu khác lại không ghi nhận mối liên quan này [14,15]. Những trẻ vị thành niên được xem là “khác biệt” so với các bạn cùng trang lứa có nhiều khả năng bị bắt nạt hơn. Nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng những cá nhân có xu hướng tính dục là lưỡng tính có thể bị phân biệt đối xử từ cả cá nhân dị tính, đồng tính nam/đồng tính nữ. Điều này có thể là do nhận thức không đúng đắn về hành vi tính dục hoặc không chắc chắn về xu hướng tính dục của bản thân. Phát hiện của chúng tôi một lần nữa củng cố thêm kết quả cho các nghiên cứu trước đây, qua phân tích mối liên quan cho thấy những học sinh có xu hướng tính dục là lưỡng tính có chênh lệch bị bắt nạt cao hơn những học sinh mô tả là dị tính ở cả 2 loại bị bắt nạt. Lý giải cho kết quả này có thể là do sự chấp nhận đối với những học sinh có xu hướng tính dục là lưỡng tính chậm hơn so với đồng tính nam/đồng tính nữ [16].

Bên cạnh đó, kết quả còn ghi nhận khả năng bị bắt nạt học đường, bị bắt nạt trực tuyến thấp hơn ở học sinh có tình trạng kinh tế gia đình bình thường so với học sinh có tình trạng kinh tế gia đình khó khăn. Điều này cũng được tìm thấy trong các nghiên cứu khác [17]. Ở học sinh có tình trạng kinh tế gia đình khó khăn, các em có thể cảm thấy bị tự ti và thiếu tự tin, nhạy cảm, có sự chênh lệch về kinh tế - xã hội khiến học sinh bị đối xử khác biệt và dễ trở thành nạn nhân của việc bị bắt nạt hơn so với các bạn đồng trang lứa.

Ngoài ra, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa mối quan hệ với bạn bè và bị bắt nạt học đường, trực tuyến. Điều này cũng được ghi nhận trong các nghiên cứu trước đây cho thấy việc được hỗ trợ từ bạn bè có chênh lệch bị bắt nạt học đường sau hiệu chỉnh lần lượt bằng 0,64 lần (KTC 95% 0,53 - 0,76; $p < 0,001$) so với không nhận được sự hỗ trợ [18].

Nghiên cứu của Võ Thị Thúy An cho thấy mức độ được bạn bè yêu mến càng cao thì tỷ lệ bị bắt nạt trực tuyến bằng 0,78 lần so với các nhóm học sinh còn lại (KTC 95% 0,69 - 0,89; $p < 0,001$). Ngược lại, những học sinh bị bạn bè cô lập có tỷ lệ trở thành nạn nhân của bắt nạt trực tuyến gấp 1,55 lần so với nhóm học sinh không bị cô lập (KTC 95% 1,16 - 2,08; $p = 0,024$) [14]. Học sinh ở lứa tuổi này đang có biến động mạnh mẽ về mặt tâm lý, các học sinh chuyển từ sinh hoạt gia đình sang sinh hoạt bạn bè, những mâu thuẫn nhỏ phát sinh nhưng độ tuổi này chưa nhận thức đủ, suy nghĩ thiếu chín chắn không tự hòa giải với nhau được có thể dẫn đến việc bị tẩy chay, bắt nạt. Và nếu không được nhà trường, thầy cô, bạn bè can thiệp kịp thời có thể dẫn đến những hệ lụy đáng tiếc ở hiện tại và cả sau này.

Hạn chế

Nghiên cứu của chúng tôi cũng có một số điểm hạn chế:

Đầu tiên, thang đo YRBS để đánh giá nạn nhân của bắt nạt học đường và bắt nạt trực tuyến là biến nhị giá nên không đánh giá được tần suất cũng như các hình thức bắt nạt (lời nói, thể chất, tình dục).

Bên cạnh đó, nghiên cứu khảo sát thông tin qua bộ câu hỏi tự điền nên sai lệch thông tin trong quá trình hồi tưởng có thể xảy ra.

Ngoài ra, chúng tôi sử dụng thiết kế nghiên cứu cắt ngang nên chỉ phản ánh được tình trạng bị bắt nạt tại thời điểm nghiên cứu và cũng không thể hiện được mối quan hệ nhân quả giữa các yếu tố liên quan.

5. KẾT LUẬN

Bắt nạt là một vấn đề sức khỏe cộng đồng nghiêm trọng và phổ biến nhưng có thể phòng ngừa được. Tỷ lệ bị bắt nạt học đường và bị bắt nạt trực tuyến lần lượt là 6,8% và 13,8%. Kết quả tìm thấy mối liên quan giữa xu hướng tính dục, kinh tế gia đình, mối quan hệ với bạn bè với bắt nạt học đường. Đối với bắt nạt trực tuyến, có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa khối lớp, giới tính, xu hướng tính dục, kinh tế gia đình, mối quan hệ với bạn bè. Việc xác định các đặc điểm chính của học sinh là mục tiêu của bắt nạt trực tuyến và học đường có thể hỗ trợ phát triển các chiến lược can thiệp và phòng ngừa hiệu quả.

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý trung tâm, thầy cô đã tạo điều kiện và hỗ trợ trong quá trình thu thập dữ liệu. Nhóm nghiên cứu cũng xin gửi lời cảm ơn đến quý phụ huynh học sinh/người giám hộ và các bạn học sinh đã tham gia nghiên cứu này.

Nguồn tài trợ

Nghiên cứu này được tài trợ kinh phí bởi Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 147/2024/HĐ-ĐHYD, Ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Xung đột lợi ích

Không có xung đột lợi ích tiềm ẩn nào liên quan đến bài viết này được báo cáo.

ORCID

Thái Thanh Trúc

<https://orcid.org/0000-0003-2512-8281>

Đóng góp của các tác giả

Ý tưởng nghiên cứu: Nguyễn Thị Thu An.

Đề cương và phương pháp nghiên cứu: Lê Võ Hồng Tuyết.

Thu thập dữ liệu: Nguyễn Thị Trang.

Nhập dữ liệu: Đinh Văn Ngôn.

Quản lý dữ liệu: Đinh Văn Ngôn.

Phân tích dữ liệu: Lê Võ Hồng Tuyết.

Viết bản thảo đầu tiên: Lê Võ Hồng Tuyết.

Góp ý bản thảo và đồng ý cho đăng bài: Thái Thanh Trúc, Nguyễn Thị Thu An, Nguyễn Thị Trang, Đinh Văn Ngôn.

Cung cấp dữ liệu và thông tin nghiên cứu

Tác giả liên hệ sẽ cung cấp dữ liệu nếu có yêu cầu từ Ban biên tập.

Chấp thuận của Hội đồng Đạo đức

Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, số 291/HĐĐĐ - ĐHYD ký ngày 01/02/2024 và số 578/HĐĐĐ - ĐHYD ký ngày 10/04/2024.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Olweus D. School bullying: Development and some important challenges. *Annual Review of Clinical Psychology*. 2013;9:751-780.
2. Ybarra ML, Boyd D, Korchmaros JD. Defining and measuring cyberbullying within the larger context of bullying victimization. *J Adolesc Health*. 2012;51(1):53-58.
3. WHO. A focus on adolescent substance use in Europe, central Asia and Canada. *Health Behaviour in School-aged Children international report from the 2021/2022 survey*. 2024. URL: <https://www.who.int/europe/publications/i/item/9789289060936>.
4. WHO. Báo cáo Khảo sát Hành vi sức khỏe học sinh toàn cầu tại Việt Nam 2019. 2022. URL: <https://www.who.int/vietnam/vi/health-topics/publications/9789290619376>.
5. Dương Thị Huỳnh Mai. Bắt nạt trực tuyến và mối liên quan với trầm cảm ở học sinh trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh. 2020. Khóa luận tốt nghiệp Bác sĩ Y học dự phòng, Đại học Y Dược TP.HCM.
6. Riebel J, Jager R, Fischer U. Cyberbullying in Germany – an exploration of prevalence, overlapping with real life bullying and coping strategies. *Psychology Science Quarterly*. 2009;51(3):298-314.
7. Case KR, Cooper M, Creamer M, Mantey D, Kelder S. Victims of Bullying and Tobacco Use Behaviors in Adolescents: Differences Between Bullied at School, Electronically, or Both. *J Sch Health*. 2016 Nov;86(11):832-840.
8. Hertz MF, Jones E, Barrios L. Victimization and health risk behaviors among high school students in the United States. *J Sch Health*. 2015; 85(12):833-842.

9. Nguyễn Hằng Nguyệt Vân, Nguyễn Thị Khánh Huyền. Thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội, năm 2019. *Y tế Công Cộng*. 2020;52:50-58.
10. Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyễn Việt Anh. Thực trạng hút thuốc lá ở học sinh một số trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội và một số yếu tố liên quan năm 2019. *Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển*. 2020;4(4):62-71.
11. Mpofu JJ, Underwood JM, Thornton JE, Brener ND, Rico A, Kilmer G, et al. Overview and Methods for the Youth Risk Behavior Surveillance System - United States, 2021. *MMWR Suppl*. 2023 Apr 28;72(1):1-12.
12. CDC. YRBS data user's guide. 2021. : https://www.cdc.gov/healthyyouth/data/yrbs/pdf/2021/2021_yrbs_data_users_guide_508.pdf.
13. CDC. Explore Youth Risk Behavior Survey Questions - United States. 2021. URL: <https://yrbs-explorer.services.cdc.gov/#/>.
14. Võ Thị Thúy An. Bắt nạt trực tuyến và các yếu tố liên quan ở học sinh trường trung học phổ thông Thành phố Sa Đéc năm 2023. 2023. Khóa luận tốt nghiệp Bác sĩ Y Học Dự Phòng, Đại học Y dược TP. HCM.
15. Trương Thị Thùy Trang. Bắt nạt trực tuyến và chiến lược ứng phó của học sinh trung học phổ thông Phan Thanh Giản huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre năm 2023. 2023. Khóa luận tốt nghiệp Bác sĩ Y Học Dự Phòng, Đại học Y dược TP.HCM, TP.HCM.
16. Rivara F, Le Menestrel S. Preventing bullying through science, policy, and practice (Washington (DC): National Academies Press (US); 2016. URL: <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/books/NBK390413/>
17. Nagata JM, Trompeter N, Singh G, Ganson KT, Testa A, Jackson DB, et al. Social Epidemiology of Early Adolescent Cyberbullying in the United States. *Acad Pediatr*. 2022 Nov-Dec;22(8):1287-1293.
18. Nguyen HTL, Nakamura K, Seino K, Al-Sobaihi S. Impact of parent-adolescent bonding on school bullying and mental health in Vietnamese cultural setting: evidence from the global school-based health survey. *BMC Psychol*. 2019 Mar 18;7(1):16.